

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Quan hệ công chúng

Trình độ đào tạo: Đại học hệ chính quy

Ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Quan hệ công chúng

+ Tên tiếng Anh: Public Relations

Mã ngành đào tạo: 7380108

Loại hình đào tạo: Chính quy

Đơn vị cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

Khoa phụ trách: Khoa Công tác Thanh thiếu niên

Tên gọi văn bằng:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Quan hệ công chúng

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor Public Relations

Các chương trình đã đối sánh:

+ Chương trình đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng của Học viện Báo chí và tuyên truyền

+ Chương trình đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng của Đại Kinh tế Quốc dân

+ Chương trình đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Thời gian đào tạo: 3 - 4 năm (tối đa 6 năm)

Ngày phát hành, chỉnh sửa chương trình đào tạo: tháng 08/2023

Nơi phát hành: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, được trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về truyền thông, báo chí, cùng thực tiễn truyền thông và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan; có tư duy phản biện để phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến truyền thông; có kỹ năng thực hành, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo giải quyết những vấn đề pháp lý góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đào tạo đội ngũ cử nhân có trình độ chuyên môn bậc đại học về chuyên ngành

Quan hệ công chúng, khả năng thực hiện công tác Quan hệ công chúng trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Có kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước và vận dụng để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.

- Có kiến thức quản lý, điều hành trong lĩnh vực truyền thông, Quan hệ công chúng; phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh như chính trị xã hội, văn hóa bản địa... đối với các sản phẩm và chiến dịch quan hệ công chúng; vận dụng được pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp.

- Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng động, sáng tạo trong công việc như nghiên cứu công chúng, sản xuất sản phẩm truyền thông, tổ chức sự kiện, quản trị thương hiệu, xử lý khủng hoảng,... và các hoạt động tác nghiệp khác liên quan đến báo chí, truyền thông.

- Có kỹ năng thực thi kiến thức phân tích, dự báo, đánh giá, lập kế hoạch và thực thi các công việc thuộc chức năng Quan hệ Công chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0.

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có trách nhiệm nghề nghiệp.

- Có khả năng tự đánh giá hiệu quả công việc, tự định hướng phát triển chuyên môn và khả năng khởi nghiệp trong lĩnh vực truyền thông, Quan hệ công chúng.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu kiến thức

PO1 (CĐR1). Áp dụng được hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời;

PO2 (CĐR2). Áp dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm... vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực Quan hệ công chúng;

PO3 (CĐR3). Áp dụng được hệ thống nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cùng các quy tắc hành nghề Quan hệ công chúng để giải quyết các vấn đề truyền thông phát sinh trong thực tiễn;

PO4 (CĐR4). Áp dụng được vấn đề trong lý luận và thực tiễn truyền thông, pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp; nhiệm vụ của cán bộ Quan hệ công chúng trong các tổ chức;

PO5 (CĐR5). Áp dụng các kỹ thuật nghiên cứu công chúng truyền thông, cách xây dựng thông điệp truyền thông và lựa chọn kênh truyền thông trong các chiến dịch cụ thể.

3.2. Mục tiêu kỹ năng

PO6 (CĐR6). Thu thập, thẩm định, chọn lọc, phân tích thông tin từ các nguồn khác nhau, phân tích nội dung văn bản; thực hiện các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng; sử dụng các phần mềm để phân tích số liệu thống kê; ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn truyền thông – quan hệ công chúng;

PO7 (CĐR7). Phân tích và sáng tạo các chiến dịch quan hệ công chúng phù hợp với từng thể loại và đối tượng, bao gồm: nghiên cứu công chúng, sáng tạo thông điệp, lựa chọn phương tiện và cách thức truyền thông hiệu quả;

PO8 (CĐR 8). Sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và thiết kế các sản phẩm truyền thông truyền thông và truyền thông đa phương tiện đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong lĩnh vực truyền thông;

PO9 (CĐR9). Tổ chức, phát triển và quản lý các hoạt động quan hệ công chúng trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch Quan hệ công chúng; đồng thời xây dựng được hệ thống thu thập và phân tích thông tin chuyên nghiệp; vận dụng các kiến thức chuyên ngành để viết báo cáo, viết bài Quan hệ công chúng, thông cáo báo chí, dự thảo các văn kiện Quan hệ công chúng cho lãnh đạo đơn vị, tổ chức các tập san nội bộ, sản xuất các chương trình video, tổ chức điều tra dư luận xã hội, đề xuất các sáng kiến;

PO10 (CĐR10). Đánh giá chất lượng, hiệu quả truyền thông khi thực hiện các hoạt động, kế hoạch quan hệ công chúng trong từng chiến dịch cụ thể;

PO11 (CĐR 11). Diễn đạt các nội dung, ý tưởng, chủ đề truyền thông bằng ngôn ngữ lời nói, ngôn ngữ viết và ngôn ngữ cơ thể trôi chảy, chuẩn xác, sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan hệ công chúng - truyền thông;

PO12 (CĐR12). Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014;

PO13 (CĐR13). Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.

3.3. Mục tiêu tự chủ và trách nhiệm

PO14 (CĐR14). Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và có khả năng chịu trách nhiệm trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.

PO15 (CĐR15). Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn; giữ gìn đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tinh thần khởi nghiệp hoặc học tập nâng suốt đời.

PO16 (CĐR16). Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tích cực chủ động tham gia tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đảng và Nhà nước cho cộng đồng xã hội nói chung, Đoàn thanh niên nói riêng, góp phần nâng cao vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội.

3.4. Mục tiêu về thái độ

PO17 (CĐR17). Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên ngành Quan hệ công chúng sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc ở các cơ quan, tổ chức sau đây:

- Làm nhân viên PR, tổ chức sự kiện, nhân viên quảng cáo, tiếp thị, marketing tại các đơn vị, tổ chức trong và ngoài hệ thống tổ chức nhà nước, các loại hình doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bộ và Sở, Ban, Ngành liên quan đến truyền thông.

- Chuyên viên phân tích và tư vấn quan hệ công chúng: Đảm nhận các công việc như trợ lý phân tích và lập báo cáo về môi trường truyền thông đối nội và đối ngoại của đơn vị; trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông trong kinh doanh, phát triển đội ngũ nhân sự, xây dựng và phát triển thương hiệu.

- Làm việc trong các cơ quan thông tấn báo chí, các đài truyền hình Trung ương, địa phương, làm phát ngôn viên, làm MC hay chuyên viên tuyên truyền trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp; tổ chức xã – hội nghề nghiệp.

- Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu có liên quan đến truyền thông, quan hệ công chúng.

- Học lên các bậc sau đại học như thạc sỹ, tiến sỹ; tham gia các lớp đào tạo nghề luật như thẩm phán, công chứng, luật sư, thừa phát lại ...

5. Mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

Mã hoá	Chuẩn đầu ra	Mức độ
PLO1	Áp dụng được hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.	3/6
PLO2	Áp dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm...vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.	3/6
PLO3	Áp dụng được hệ thống nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cùng các quy tắc hành nghề Quan hệ công chúng để giải quyết các vấn đề truyền thông phát sinh trong thực tiễn.	3/6

PLO4	Áp dụng được vấn đề trong lý luận và thực tiễn truyền thông, pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông trong các hoạt động tác nghiệp; nhiệm vụ của cán bộ Quan hệ công chúng trong các tổ chức.	3/6
PLO5	Xác định được các đối tượng công chúng truyền thông, cách xây dựng thông điệp truyền thông và lựa chọn kênh truyền thông trong các chiến dịch cụ thể.	3/5
PLO6	Thu thập, thẩm định, chọn lọc, phân tích thông tin từ các nguồn khác nhau, phân tích nội dung văn bản; thực hiện các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng; sử dụng các phần mềm để phân tích số liệu thống kê; ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn truyền thông – quan hệ công chúng.	4/5
PLO7	Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo, thực hành quan hệ công chúng theo từng lĩnh vực; xây dựng, vận hành được các chiến lược quan hệ công chúng đa dạng, phù hợp, hiệu quả như: Tổ chức quan hệ và thông qua các cơ quan truyền thông xây dựng và bảo vệ thương hiệu, quản trị thông tin, xử lý khủng hoảng, thực hiện marketing; Tổ chức quản trị một đơn vị Quan hệ công chúng; Hoạch định chiến lược và lập kế hoạch Quan hệ công chúng cho một đơn vị, một tổ chức; Xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình truyền thông theo chiến lược của tổ chức.	4/5
PLO8	Sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và thiết kế các sản phẩm truyền thông truyền thống và truyền thông đa phương tiện đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong lĩnh vực truyền thông.	3/5
PLO9	Tổ chức, phát triển và quản lý các hoạt động quan hệ công chúng trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch Quan hệ công chúng; đồng thời xây dựng được hệ thống thu thập và phân tích thông tin chuyên nghiệp; vận dụng các kiến thức chuyên ngành để viết báo cáo, viết bài Quan hệ công chúng, thông cáo báo chí, dự thảo các văn kiện Quan hệ công chúng cho lãnh đạo đơn vị, tổ chức các tập san nội bộ, sản xuất các chương trình video, tổ chức điều tra dư luận xã hội, đề xuất các sáng kiến.	3/5
PLO10	Đánh giá chất lượng, hiệu quả truyền thông khi thực hiện các hoạt động, kế hoạch quan hệ công chúng trong từng chiến dịch cụ thể.	4/5

PLO11	Diễn đạt các nội dung, ý tưởng, chủ đề truyền thông bằng ngôn ngữ lời nói, ngôn ngữ viết và ngôn ngữ cơ thể trôi chảy, chuẩn xác, sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan hệ công chúng - truyền thông.	4/5
PLO12	Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014;	4/5
PLO13	Có kiến thức đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.	4/5
PLO14	Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và có khả năng chịu trách nhiệm trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.	4/5
PLO15	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn; giữ gìn đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tinh thần khởi nghiệp hoặc học tập nâng suất đời.	4/5
PLO16	Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tích cực chủ động tham gia tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đảng và Nhà nước cho cộng đồng xã hội nói chung, Đoàn thanh niên nói riêng, góp phần nâng cao vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội.	4/5

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

Chương trình đào tạo toàn khóa là 120 tín chỉ, trong đó 108 tín chỉ bắt buộc, 12 tín chỉ tự chọn, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng an ninh (8 tín chỉ).

7. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

9. Phương pháp dạy - học

Nhiều phương pháp được áp dụng trong quá trình đào tạo như:

- Phương pháp thuyết giảng
- Phương pháp bài tập

- Phương pháp làm việc nhóm
- Phương pháp thảo luận
- Phương pháp nghiên cứu tình huống
- Phương pháp thực hành
- Phương pháp dự án
- Phương pháp thực tập tại các cơ sở

10. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

11. Nội dung chương trình đào tạo:

11.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

STT	Khối lượng học tập	Tổng tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không kể: Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN)	41	28	13
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm:	79		
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	27	15	14
2.2	Kiến thức chuyên ngành	34	14	20
2.3	Kiến thức tự chọn	8	4	4
2.4	Thực tập tốt nghiệp			4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp/môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	3	3
Tổng cộng		120	75	45

11.2. Khối lượng các học phần

11.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
Các học phần giáo dục đại cương bắt buộc			41	28	13
1	CT1101	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	CT1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	CT1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CT1104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	XH1106	Tâm lý học đại cương	2	2	0
7	XH1107	Xã hội học đại cương	2	2	0
8	XH1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
9	L1109	Pháp luật đại cương	2	1	1
10	CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội	2	1	1
11	CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	2	0
12	CB1112	Tin học đại cương	3	1	2
13	CB1113	Tiếng Anh 1	3	2	1
14	CB1114	Tiếng Anh 2	3	1	2
15	TN1115	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3	2	1
16	TN1116	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2	1	1
Các học phần giáo dục đại cương tự chọn			4	2	2
17	CB1117	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0
18	CB1118	Vũ Quốc tế	2	0	2
19	CT1119	Mỹ học Mác-Lênin	2	2	0
20	CT1120	Logic học đại cương	2	2	0

Ghi chú: - Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN;
 - Điểm các học phần tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, Tin học đại cương; Giáo dục thể chất, Giáo dục QP- AN không tính vào điểm trung bình học tập.

11.2.2. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
Các học phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			27	14	13
21	CC12021	Nhập môn Quan hệ công chúng	3	2	1
22	CC12022	Lý thuyết truyền thông	3	2	1
23	CC12023	Marketing và Quảng cáo	3	2	1
24	CC12024	Công chúng truyền thông	3	2	1
25	CC12025	Quan hệ với báo chí và truyền thông	3	2	1
26	CC12026	Kỹ thuật ghi hình và dựng hình	3	1	2
27	CC12027	Thiết kế sản phẩm truyền thông	3	1	2
28	CC12028	Tổ chức sự kiện	3	1	2
29	CC12029	Truyền thông đa phương tiện	3	1	2
Các học phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn			4	2	2
30	CC12030	Các phương tiện truyền thông	2	1	1
31	TN13031	Kỹ năng thuyết trình	2	1	1
32	CC12032	Kỹ năng dẫn chương trình	2	1	1
33	CC12033	Nghiên cứu và đánh giá Quan hệ công chúng	2	1	1
34	CC12034	Kỹ năng sáng tạo trong truyền thông	2	1	1

11.2.3. Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
Các học phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc			34	14	20
34	CC13034	Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng	3	1	2
35	CB2035-CC	Tiếng Anh 3	2	1	1
36	CC13036	Quan hệ công chúng ứng dụng	3	1	2
37	CC13037	Truyền thông tiếp thị tích hợp	3	1	2
38	CC13038	Lập kế hoạch Quan hệ công chúng	3	1	2
39	CC13039	Quản trị thương hiệu	3	2	1
40	CC13040	Truyền thông liên văn hóa	3	2	1
41	CC13041	Xử lý khủng hoảng	3	2	1
42	CC13042	Hành vi khách hàng	2	1	1
43	CC13043	Truyền thông số	3	2	1
44	CC14044	Thực tập nghiệp vụ PR 1	3	0	3
45	CC14045	Thực tập nghiệp vụ PR 2	3	0	3
Các học phần chuyên ngành tự chọn			4	2	2
46	TN13044	Hoạt động truyền thông trong công tác Đoàn	2	1	1
47	CC13047	Đạo đức và pháp luật truyền thông	2	1	1
48	CC13048	Tác động của Quảng cáo trong xã hội	3	2	1
49	CC15049	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và truyền thông nội bộ	3	2	1
50	CC15050	Dự án Quan hệ công chúng	3	2	1

11.2.4. Thực tập tốt nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
51	CC14051	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
52	CC15053	Khoá luận tốt nghiệp/học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp	6	3	3

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

11.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

Năm thứ nhất

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	0	Triết học Mác-Lênin	3	0
2	Nhập môn Quan hệ công chúng	2	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0
3	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	2	1	Lý thuyết truyền thông	2	1
4	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	0	Pháp luật đại cương	1	1
5	Xã hội học đại cương	2	0	Kỹ năng thuyết trình	1	1
6				Tin học đại cương	1	2
7				Các phương tiện truyền thông	1	1
		Tổng	12		Tổng	17

Năm thứ hai

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	0
2	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	1	1	Marketing và Quảng cáo	2	1
3	Công chúng truyền thông	2	1	Kỹ thuật ghi hình và dựng hình	1	2
4	Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng	1	2	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	0
5	Tâm lý học đại cương	2	0	Tiếng Anh 2	1	2
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1	Thực tập nghiệp vụ PR1	0	3
7	Tiếng Anh 1	2	1			
		Tổng	17		Tổng	16

Năm thứ ba

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Thống kê cho khoa học xã hội	2	0	Tổ chức sự kiện	1	2
2	Thiết kế sản phẩm truyền thông	1	2	Hành vi khách hàng	1	1
3	Quan hệ báo chí và truyền thông	2	1	Quản trị thương hiệu	2	1
4	Xử lý khủng hoảng	2	1	Lập kế hoạch Quan hệ công chúng	1	2
5	Truyền thông số	2	1	Vũ quốc tế	0	2
6	Tiếng Anh 3	1	1	Thực tập nghiệp vụ PR2	0	3
		Tổng	16		Tổng	16

Năm thứ tư

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Truyền thông liên văn hóa	2	1	Thực tập tốt nghiệp	0	4
2	Đạo đức và pháp luật truyền thông	1	1	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	0
3	Hoạt động truyền thông trong công tác Đoàn	1	1	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và truyền thông nội bộ	2	1
4	Quan hệ công chúng ứng dụng	1	2	Dự án Quan hệ công chúng	2	1
5	Truyền thông tiếp thị tích hợp	1	2			
6	Truyền thông đa phương tiện	1	2			
		Tổng	16		Tổng	10

12. Mô tả nội dung các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học Mác-Lênin	Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững lý luận triết học Mác - Lênin; xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kinh tế chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, chức năng, nhiệm

		vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
6	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.
7	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: Chương 1, những vấn đề chung về xã hội học gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác, sự ra đời và phát triển của xã hội học, các khái niệm hành về động xã hội, tương tác xã hội, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội và xã hội hóa; Chương 2, cung cấp cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; Chương 3 môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt đó là xã hội học

		thanh niên và xã hội học về dư luận xã hội.
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.
9	Thống kê trong khoa học xã hội	Thống kê trong khoa học xã hội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê, các ứng dụng của thống kê; phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn; các kiến thức sử dụng phần mềm thống kê; ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành bằng phần mềm thống kê. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên vận dụng được phương pháp chọn lọc, xây dựng các bảng dữ liệu thống kê từ các nguồn khác nhau; giải thích được các số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu; ứng dụng được tối thiểu một phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu thực tế.
10	Khởi nghiệp trong thanh niên	Khởi nghiệp trong thanh niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quá trình khởi nghiệp trong thanh niên. Các vấn đề lý luận về khởi nghiệp trong thanh niên tập trung vào các con đường mưu sinh cơ bản như: làm chủ, đầu tư, thực hiện kinh doanh theo hình thức nền kinh tế chia sẻ... Đồng thời, với quan điểm khởi nghiệp sáng tạo, thì khởi nghiệp trong thanh niên cũng có thể hiểu là tạo ra nhưng sản phẩm đột phá, sử dụng những công nghệ mới, xây dựng các mô hình kinh doanh mới nhằm khơi gợi các giá trị tiềm ẩn và có thể lặp lại được, mở rộng. Vì vậy, mục tiêu kiến thức của học phần là giúp sinh viên xây dựng những lý luận cơ bản cho thanh niên bắt đầu các hoạt động khởi nghiệp theo các cách khởi nghiệp truyền thống. Đồng thời

		giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập dự án khởi nghiệp trong thanh niên và điều hành dự án khởi nghiệp trong thanh niên.
11	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thanh thiếu nhi. Môn học bao gồm 5 chương, cụ thể: Chương 1: Nhập môn Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội; Chương 2: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và công tác thanh niên; Chương 3: Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Chương 4: Những vấn đề cơ bản về Hội LHTN Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam; Chương 5: Những vấn đề cơ bản về Đội TNTP Hồ Chí Minh.
12	Kỹ năng tổ chức các hoạt động Thanh thiếu niên	Trang bị cho người học những kiến thức lý luận chung về kỹ năng tổ chức hoạt động thanh niên và các nhóm kỹ năng tổ chức hoạt động thanh niên gồm: Kỹ năng tổ chức các hoạt động chính trị - xã hội; Kỹ năng tổ chức các hoạt động văn hoá - thể thao; Kỹ năng tổ chức các hoạt động kinh tế - khoa học - kỹ thuật; Kỹ năng tổ chức hoạt động nghiệp vụ xây dựng Đoàn, Hội, Đội.
13	Pháp luật đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.
14	Tin học đại cương	Tin học đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thông tin, dữ liệu, phần mềm, hệ điều hành Windows, kiến trúc máy tính; kiến thức cơ bản về Internet, cách phân biệt hệ thống mạng, chia sẻ tài nguyên mạng và khai thác thông tin, tài nguyên trên mạng nhằm

		mục đích tự trang bị cho bản thân phương pháp học tập công nghệ mới; các kỹ năng cơ bản trong việc thao tác, sử dụng một số phần mềm thông dụng như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.
15	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Môn học không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà thông qua bài học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn học, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống thông dụng, phù hợp và linh hoạt trong từng ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết cơ bản.
16	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh mà sinh viên đã học ở học phần Tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 bổ sung, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần trước, tiếp tục giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp mới và tăng cường vốn từ vựng với mức độ cao hơn nhằm vào các mục tiêu giúp sinh viên sử dụng Tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.
17	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Luật và các kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ trung cấp. Các chủ đề chính bao gồm: legal systems (hệ thống pháp luật), legal professionals (chuyên gia pháp lý), civil law (luật dân sự), criminal law (luật hình sự), business law (luật doanh nghiệp), contract (hợp đồng), employment law (luật lao động), economic law (luật kinh tế), commercial law (luật thương mại) và international law (luật quốc tế). Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận với nhiều chủ đề hữu ích, quen thuộc khác trong lĩnh vực Luật học ở các bài học mở rộng (phần tự học).

		Các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy độc lập, logic, tích cực và năng động được chú trọng thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, dịch.
18	Vũ Quốc tế	Vũ quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn khiêu vũ. Cụ thể, học phần hướng dẫn người học những kỹ thuật cơ bản được quốc tế hóa của một số điệu nhảy: Ba cha ta, SamBa, Rumba, ChaChaCha, Slow waltz, Tango và một số điệu nhảy khiêu vũ tập thể (Macarena, Bachata,...). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn hóa nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho sinh viên.
19	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Môn học được chia làm 4 nội dung lớn, sắp xếp theo một trình tự logic, phù hợp với phát triển tư duy của người học. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Các khái niệm cơ bản (Khái niệm văn hóa, văn minh, môi trường tự nhiên, xã hội, tiếp xúc và giao lưu văn hóa); Cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa (các hình thái và mô hình văn hóa, những thành tố của văn hóa, chức năng và cấu trúc của văn hóa); Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam (từ thời tiền sử đến nay); Không gian văn hóa Việt Nam (các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, Nam bộ).
20	Nhập môn Quan hệ công chúng	Trang bị cơ sở lý thuyết chung của quan hệ công chúng, những kiến thức về khái niệm, vai trò, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các hoạt động quan hệ công chúng bao gồm kỹ năng xử lý khủng hoảng, quan hệ báo chí và tổ chức sự kiện. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những nguyên tắc tác nghiệp, những kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.
21	Lý thuyết truyền	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền

	thông	thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.
22	Marketing và Quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về Marketing và quảng cáo, các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của Marketing và quảng cáo; mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông; được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động marketing và quảng cáo; lý thuyết về thương hiệu, chiến lược, 4P trong marketing và định vị thương hiệu. Trên cơ sở đó, người học có khả năng và kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các tình huống thực tiễn kinh doanh trên thương trường, biết cách lập một chiến lược marketing căn bản.
23	Công chúng truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.
24	Quan hệ với báo chí và truyền thông	Trang bị kiến thức đặc thù về hoạt động báo chí tại Việt Nam hiện nay. Môn học cũng đề cập đến mối quan hệ giữa PR và báo chí; cũng các nguyên tắc cần thiết trong quan hệ báo chí. Trang bị kiến thức tổng quan về hoạt động báo chí tại Việt Nam hiện nay và mối quan hệ qua lại giữa báo chí và PR. Trên cơ sở kiến thức nền tảng, người học

		được trang bị những kỹ năng cơ bản về hoạt động quan hệ với báo chí của một người làm PR, truyền thông tại Việt Nam.
25	Kỹ thuật ghi hình và dựng hình	Trang bị những kiến thức về ghi hình và dựng hình, phát thanh, phóng sự truyền hình: sự khác biệt giữa tin truyền hình và phóng sự truyền hình, cách thức xây dựng kịch bản phóng sự truyền hình chi tiết, cách thức đặt câu hỏi phỏng vấn nhân vật để hoàn thành ý tưởng. Môn học này hướng đến việc giúp người học có kỹ năng phát hiện vấn đề và biết cách và sắp xếp, trình bày một sản xuất video clip, sản phẩm phát thanh, trong đó có các clip tin tức và phóng sự một cách logic, có sức thuyết phục với tính khách quan cao.
26	Thiết kế sản phẩm truyền thông	Trang bị hệ thống lý thuyết và kỹ năng thiết kế, trình bày các sản phẩm quan hệ công chúng như logo, bao bì, tờ rơi, tờ gấp, quyền giới thiệu,... và các sản phẩm thiết kế trên báo in tạp chí, báo mạng điện tử. Từ đó, người học được rèn luyện khả năng phối hợp màu sắc, kỹ năng thiết kế, trình bày để vận dụng vào việc tổ chức xuất bản các sản phẩm truyền thông, phục vụ cho quá trình quan hệ công chúng
27	Tổ chức sự kiện	Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống.
28	Truyền thông đa phương tiện	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành kiến thức nền tảng về truyền thông, kỹ thuật đa phương tiện, kiến thức lý thuyết cơ bản về báo chí – truyền thông đa phương tiện, bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, ưu điểm, hạn chế, quy trình sản xuất sản phẩm báo chí đa phương tiện, cách viết cho báo đa phương tiện. Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho người học kiến thức về vai trò, đặc điểm, quy trình sáng tạo... Học phần cũng giúp người học hình thành kỹ năng thực hiện các tác phẩm trên báo chí – truyền thông đa phương tiện. Kết thúc học phần sinh viên sẽ phát triển các kỹ năng

		viết, phân tích cơ bản trong việc viết và sản xuất cho nhiều nền tảng phương tiện truyền thông đồng thời, thể hiện tính linh hoạt cần thiết để thành công trong một thị trường truyền thông đang phát triển và nhanh chóng.
29	Các phương tiện truyền thông	Các phương tiện truyền thông là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm của truyền thông đương đại; khái niệm, đặc trưng của các phương tiện truyền thông: báo in; phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử; báo ảnh; đặc điểm của nghề báo tại Việt Nam; các tác phẩm truyền thông đa phương tiện tiêu biểu.
30	Kỹ năng thuyết trình	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thuyết trình, đồng thời giúp người học hoàn thiện kỹ năng thuyết trình trong thực tế công việc và cuộc sống của mình. Người học được cung cấp kiến thức và kỹ năng về những vấn đề tổng quan về thuyết trình; các bước chuẩn bị cho một bài thuyết trình; trình tự một bài thuyết trình và các kỹ năng ứng dụng trong quá trình thuyết trình.
31	Kỹ năng dẫn chương trình	Kỹ năng dẫn chương trình là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về yêu cầu, nhiệm vụ, cách thể hiện của người dẫn chương trình ở nhiều thể loại chương trình khác nhau; giúp sinh viên biết cách viết lời dẫn, sử dụng được các phương tiện trợ giúp và dẫn được một chương trình, nghệ thuật đặt câu hỏi, phong cách dẫn...giúp những người làm truyền thông tự tin và ứng biến khéo léo, nhanh nhạy, phù hợp trong phát ngôn trước công chúng..
32	Nghiên cứu và đánh giá Quan hệ công chúng	Nghiên cứu và đánh giá Quan hệ công chúng là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần nhằm phát triển tư duy, khả năng phân tích, đánh giá trong việc ứng dụng và tích hợp các công cụ nhằm nghiên cứu và đánh giá quan hệ công chúng. Thông qua học phần, sinh viên có thể xác định mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch PR phù hợp.

33	Kỹ năng sáng tạo trong truyền thông	Kỹ năng sáng tạo trong truyền thông là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành Trang bị cho người học nội dung cốt lõi của tư duy hiệu quả và sáng tạo, từ những vấn đề lý luận căn bản đến những hướng dẫn cụ thể để hình thành và phát triển các kỹ năng giúp suy nghĩ hiệu quả hơn và sáng tạo trong truyền thông, cách tạo ý tưởng cho các chiến dịch truyền thông với các quy mô khác nhau.
34	Kỹ năng viết cho Quan hệ công chúng	Học phần trang bị các kỹ năng thực hành và văn cảnh của thực hành nghề nghiệp của PR trong các công ty PR chuyên nghiệp và các bộ phận PR nội bộ. Hiểu biết báo chí, các công việc của cơ quan báo chí, quan hệ với báo chí và các kỹ năng báo chí là những công việc và hoạt động cơ bản của những người hoạt động PR. Báo chí là một công cụ uy quyền của PR bởi vì báo chí truyền tải thông tin và tác động đến cho mọi người trong xã hội. Học xong học phần Viết cho PR, sinh viên cần phải nắm được bản chất của thông tin báo chí, quan hệ giữa báo chí và PR, hiểu và viết được thông cáo báo chí, các bài chuyên đề, thông tin hợp báo, kỹ năng trả lời phỏng vấn báo chí và kỹ năng thiết kế trình bày in ấn.
35	Quan hệ công chúng ứng dụng	Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, hoạt động của các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước và chính phủ, các cơ quan phi chính phủ phi lợi nhuận, tìm hiểu các hoạt động QHCC trong 3 lĩnh vực này. Đây là học phần giúp sinh viên nắm được các xu thế truyền thông trong thời kỳ bùng nổ của các phương tiện truyền thông xã hội, cách ứng dụng mạng xã hội trong các hoạt động truyền thông vừa đem lại hiệu quả cao nhất với chi phí ít nhất.
36	Truyền thông tiếp thị tích hợp	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình thực hiện một dự án IMC (mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp); đặc điểm của nghề truyền thông marketing; các công cụ, tình huống sử dụng IMC, mô hình nghiên cứu về sự chú ý – thu hút – tìm kiếm – thực hiện – chia sẻ (AISAS); các chiến dịch IMC tiêu biểu.
37	Lập kế hoạch Quan hệ	Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về lập kế hoạch quan hệ công chúng bao gồm:

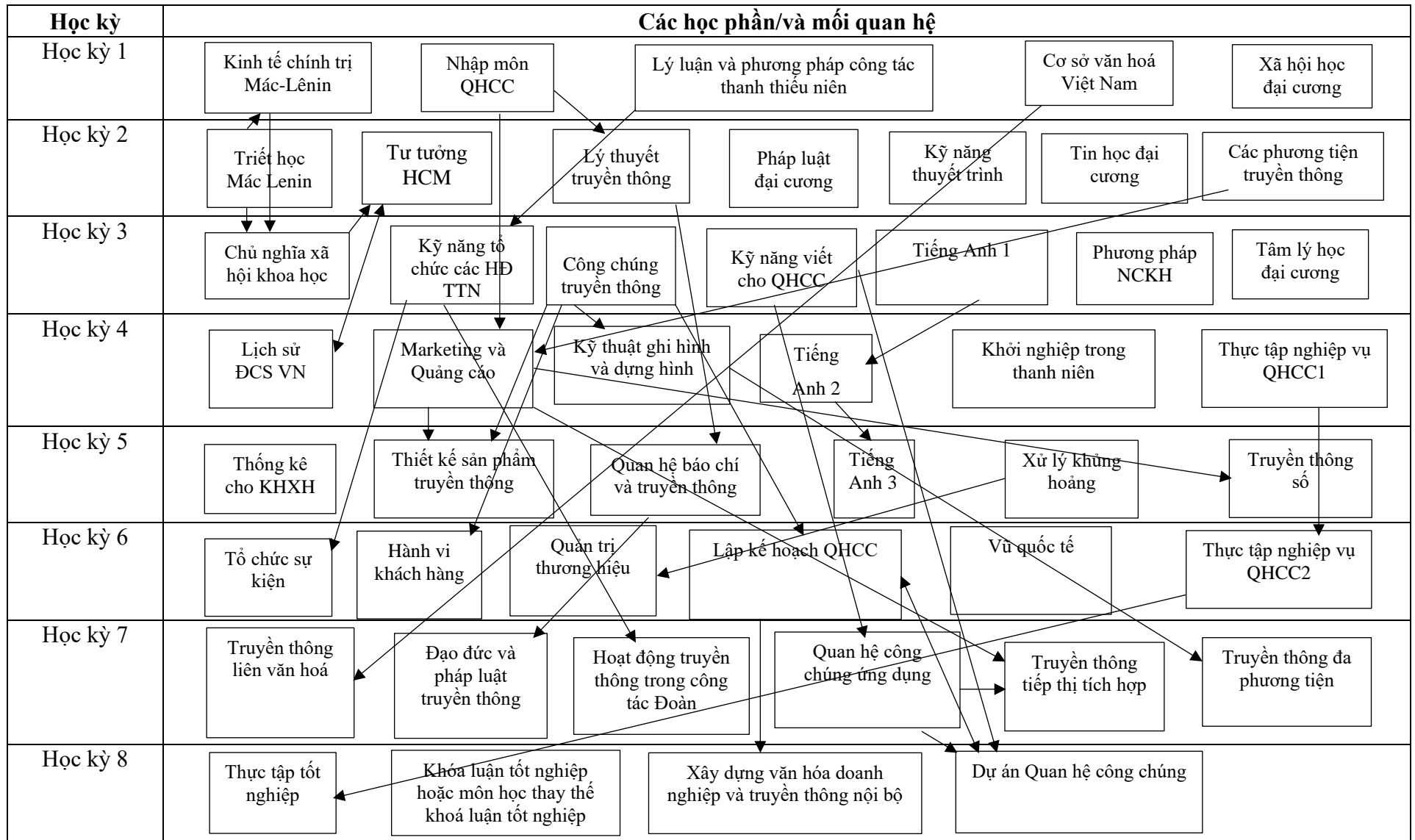
	công chúng	khái niệm, vai trò, các nguyên tắc, quy trình lập kế hoạch (phân tích bối cảnh, nghiên cứu công chúng, xây dựng mục tiêu, xác định thông điệp, kênh truyền thông, kế hoạch hành động chi tiết và phương thức đo lường, đánh giá). Trong môn học, sinh viên cũng được nghiên cứu, đánh giá những kế hoạch PR tiêu biểu của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và thực hành lập kế hoạch quan hệ công chúng mang tính chiến lược.
38	Quản trị thương hiệu	Trang bị những kiến thức cơ bản về nghiên cứu quá trình xây dựng và quản trị thương hiệu bao gồm: tạo dựng hình ảnh thương hiệu, phân tích thị trường; phân tích tình trạng của thương hiệu; định vị thương hiệu; kiểm nghiệm phương án mới; lập kế hoạch và đánh giá sự thực hiện. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược thương hiệu điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận quản lý thương hiệu. Học phần giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing, xây dựng thương hiệu và vận dụng những kỹ năng để quản trị thương hiệu đó một cách hiệu quả.
39	Truyền thông liên văn hóa	Trang bị hệ thống lý thuyết về kiến thức chuyên ngành về truyền thông và văn hóa, phương thức thực hiện truyền thông hiệu quả trong môi trường liên văn hóa. Học viên được tiếp cận các xu hướng truyền thông mới trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của mạng xã hội. Hệ thống lý thuyết của môn học giúp học viên triển khai các nghiên cứu lý luận về truyền thông và quản trị truyền thông trong môi trường liên văn hóa. Học phần tạo điều kiện cho học viên trao đổi với những người thực hành nghề trong các công ty đa quốc gia giúp người học định hướng nghề nghiệp vững vàng trong môi trường tương tác giữa các nền văn hóa.
40	Xử lý khủng hoảng	Học phần bao gồm các nội dung lý thuyết về quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng đối với tổ chức, phân loại và xếp hạng các vấn đề, quy trình quản lý vấn đề, các nguyên tắc cơ bản trong xử lý khủng hoảng, quản trị truyền thông trước, trong và sau khủng hoảng.
41	Hành vi khách hàng	Học phần cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng, bao gồm: khái niệm, các lý thuyết, mô hình nghiên cứu hành vi khách hàng, văn hóa và hành vi

		khách hàng, các nhóm tham khảo, quy trình ra quyết định mua, tâm lý học ảnh hưởng đến quyết định mua và lựa chọn thương hiệu/sản phẩm, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi, khả năng nghiên cứu hành vi khách hàng để phục vụ cho việc ra các quyết định marketing.
42	Truyền thông số	Trang bị những kiến thức cơ bản về những ứng dụng truyền thông marketing mới trong môi trường công nghệ thông tin đang ngày càng phát triển. Trong đó, môn học tập trung nghiên cứu về công nghệ và lịch sử mạng Internet, phân tích hành vi người tiêu dùng (nội địa và quốc tế) trên mạng, mô hình kinh doanh, quảng cáo và truyền thông, thiết kế trang web, định giá, nghiên cứu marketing sử dụng mạng Internet; những công việc cụ thể của người làm marketing kỹ thuật số và vận dụng những kỹ năng để quản lý các công việc đó một cách hiệu quả.
43	Hoạt động truyền thông trong công tác Đoàn	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổng quan hoạt động truyền thông trong công tác Đoàn; các loại hình truyền thông trong công tác Đoàn; quy trình tổ chức các hoạt động truyền thông trong công tác Đoàn; các kỹ năng cần sử dụng trong truyền thông.
44	Đạo đức và pháp luật truyền thông	Học phần trang bị những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về đạo đức và pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; đạo đức kinh doanh, các vấn đề về việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
45	Tác động của Quảng cáo trong xã hội	Tác động của Quảng cáo trong xã hội là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần bao gồm những nội dung nền tảng về quảng cáo, các lý thuyết giải mã thông điệp quảng cáo, các kiến thức học thuật và thực tiễn liên quan đến tác động của quảng cáo đối với kinh tế, chính trị, văn hoá và một số vấn đề xã hội. Các quan điểm đa dạng xung quanh các vấn đề gây tranh cãi về tác động của quảng cáo cũng được giới thiệu trong học phần này.

46	Thực tập nghiệp vụ Quan hệ công chúng 1	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai pháp luật về đất đai. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực đất đai xảy ra trong thực tế. Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng để xử lý, giải quyết các vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế có liên quan đến đất đai từ đơn giản đến phức tạp.
47	Thực tập nghiệp vụ vụ Quan hệ công chúng 2	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính; chủ thể tư vấn trong lĩnh vực hành chính; đối tượng tư vấn; nội dung tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính; Kỹ năng đại diện ngoài tổ tụng; kỹ năng tư vấn pháp luật về khiếu nại hành chính và thủ tục hành chính.
48	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và truyền thông nội bộ	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và truyền thông nội bộ là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị kiến thức cơ bản về sự vận hành và các quy luật của kinh tế thị trường, khái quát cách tiếp cận về văn hóa, các loại hình đạo đức, nắm vững kiến thức chuyên ngành về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (VHDN). Môn học cũng đề cập đến mối quan hệ giữa PR, QC và VHDN; tìm hiểu các hoạt động truyền thông nội bộ của các tổ chức này. Kết thúc học phần, sinh viên phải có hiểu biết về cơ cấu tổ chức và hoạt động bên trong của các cơ quan, tổ chức, nắm được hoạt động truyền thông nội bộ, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực truyền thông nội bộ nhằm xây dựng và duy trì quan hệ tốt đẹp và văn hóa trong tổ chức, góp phần hoàn thành mục tiêu của tổ chức.
49	Dự án Quan hệ công	Dự án Quan hệ công chúng là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành.

	chung	Học phần khái quát những nội dung kiến thức về quy trình nghiên cứu, lập kế hoạch, cũng như hướng dẫn phân tích đánh giá và thực hiện một dự án Quan hệ công chúng. Từ việc xây dựng các dự án sáng tạo, cho đến đẩy mạnh truyền thông trong thực tế, người học dần dần sẽ tiếp thu được các kỹ năng từ nghiên cứu cho đến lên ý tưởng và thực hiện dự án.
50	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống các cơ sở thực tập để tập làm các công việc của một người vận dụng kiến thức luật vào các công việc được giao trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về nghề luật để tác nghiệp tại một đơn vị. Thông qua đó tiếp cận với môi trường thực tế để tìm hiểu và lên kế hoạch thực hiện một, một số nhiệm vụ cụ thể, hiểu và vận dụng được các quy trình truyền thông, các quy tắc đạo đức hành nghề đã được học vào thực tiễn đạo đức, ứng xử của nghề Quan hệ công chúng đã được học vào thực tiễn.
51	Khóa luận tốt nghiệp	Theo quy định chung của Học viện

13. SƠ ĐỒ CÁC HỌC PHẦN VÀ MỐI QUAN HỆ



Ghi chú: Môn học có mũi tên xuất phát có nội dung làm nền tảng cho môn học có mũi tên đến. Mũi tên hai chiều thể hiện các môn học có nội dung liên quan, bổ trợ cho nhau.

14. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PLO) và Chuẩn đầu ra (PLO)

Mục tiêu Chuẩn đầu ra	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1	X					
PLO2	X	X	X	X	X	X
PLO3		X	X	X	X	X
PLO4		X	X	X	X	X
PLO5		X	X	X	X	X
PLO6		X	X	X		
PLO7		X	X	X	X	
PLO8		X	X	X	X	
PLO9		X	X	X	X	X
PLO10		X	X	X	X	X
PLO11		X	X	X	X	X
PLO12					X	X
PLO13					X	X
PLO14					X	X
PLO15		X	X	X	X	X
PLO16		X	X	X	X	X

Chú thích:

- Chỉ ghi mã mục tiêu và chuẩn đầu ra, không ghi nội dung cụ thể và chuẩn đầu ra
- Đánh dấu X vào các ô để thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và mục tiêu của CTĐT

PHỤ LỤC 1

THANG ĐO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VÀ MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

Lĩnh vực về nhận thức	Bloom, 1956	- Ghi nhớ (khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi sinh viên có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học)	- Hiểu (khả năng diễn đạt ý nghĩa của thông điệp bằng miệng, văn bản hay hình ảnh. Hiểu không chỉ đơn thuần là nhắc lại một thông điệp nào đó. Chúng ta cần thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua diễn giải, nêu gương, phân loại, tóm tắt, suy luận, so sánh và giải thích)	- Áp dụng (khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó)	- Phân tích (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Đánh giá (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Sáng tạo (khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới)
		K1	K2	K3	K4	K5	K6
Lĩnh vực về tâm vận động (kỹ năng)	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát: Quan sát và lặp lại có sự hiện diện của nguồn mẫu	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm: Làm được khi được hướng dẫn	- Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp: Thể hiện lại một cách chính xác các hoạt động, thao tác mà không có nguồn mẫu	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và được thực hiện một cách nhất quán	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và thực hiện nhất quán, dễ dàng. Tự động thể hiện được với ít sự gắng sức về thể chất hoặc tinh thần	
		S1	S2	S3	S4	S5	
Lĩnh vực về cảm xúc	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	Chú ý lắng nghe, quan sát và cảm nhận	- Tiếp nhận hiện tượng: Tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực thông qua trao đổi, giao tiếp, báo cáo...	- Phản ứng với hiện tượng: Nhận thấy giá trị của các yếu tố trong học tập và làm việc và thể hiện ra ngoài bằng các hành động cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng	- Chấp nhận giá trị (Valuing): Nhận ra giá trị cao nhất và tạo ra những hệ thống có giá trị nhất so với các giải pháp khác.	- Tổ chức, Ứng xử: Biến những giá trị thực tiễn thành động lực điều chỉnh hành vi.	
		A1	A2	A3	A4	A5	

PHỤ LỤC 2

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định (1-2 tiết/30tiết)	Vắng học ~14% so với quy định (3-4 tiết)	Vắng học ~20% so với quy định (5-6 tiết)	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50%N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25%N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập đúng hạn	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Không nộp bài tập cá nhân trên hệ thống; bài tập sao chép, đạo văn.	15%

Rubrics 2. Tiêu chí đánh giá tiểu luận, báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Phần mở đầu	Ngắn gọn, đầy đủ, rõ ràng, chính xác	Rõ ràng, đầy đủ, chính xác	Chính xác	Chưa chính xác	Không có phần mở đầu	10%
Phần lý luận	Ngắn gọn, đầy đủ, có nhiều trích dẫn rõ ràng	Ngắn gọn, đầy đủ, có trích dẫn rõ ràng	Đầy đủ, không có trích dẫn	Chưa đầy đủ, không có trích dẫn	Chép tài liệu nhiều mà không có trích dẫn	25%
Phần thực tiễn	Thực tiễn phong phú, phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích làm rõ một số hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn	Thực tiễn nghèo nàn, phân tích chưa thuyết phục, phân phân tích hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân chưa thuyết phục	Phần thực tiễn viết không có bố cục rõ ràng	30%
Phần kiến nghị	Giải pháp toàn diện, có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, hạn chế về ý nghĩa lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa toàn diện, chưa có cơ sở lý luận và thực tiễn, không có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn	Không có phần giải pháp hoặc giải pháp viết không có bố cục, không rõ ý	25%
Hình thức tiểu luận	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, vẫn còn lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Cẩu thả, còn nhiều lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Không theo đúng quy chuẩn mẫu	10%

Rubrics 3. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung phù hợp và chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có một số phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày không liên quan, không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	50%
Trình bày	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, ảnh biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	20%
Trả lời câu hỏi (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén. Tự tin khi trả lời.	Trả lời ngắn gọn, phù hợp. Tự tin khi trả lời.	Trả lời phù hợp. Hơi thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời ít liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời.	30%

Rubrics 4. Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tổ chức, điều hành, phát triển nhóm	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm rất tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng. Hầu như có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ từng thành viên không rõ ràng. Chưa có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Không có hoạt động nhóm	30%
Thảo luận nhóm	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thường xuyên đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ ràng, không liên quan đến yêu cầu của nhóm.	Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm	40%
Hợp tác nhóm	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt của các thành viên, khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, cởi mở, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 1 buổi họp nhóm. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 2 - 3 buổi họp nhóm	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm.	30%